

Bản án số: 86/2023/DS- ST

Ngày: 05/5/2023.

*V/v: Tranh chấp hợp đồng
chuyển giao nghĩa vụ*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH – THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Thịnh Quang Thắng
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Yên
Ông Nguyễn Hữu Đức.

Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Hải Yến- Thư ký Toà án nhân dân Huyện Đông Anh, Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thuý Dung- Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 48/2022/TLST-DS ngày 17 tháng 3 năm 2022 về việc *Tranh chấp hợp đồng chuyển giao nghĩa vụ* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2023/QĐXX-ST ngày 13 tháng 4 năm 2023; Quyết định hoãn phiên toà số ngày 18/4/2023 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn: Công ty V; Trụ sở: Thôn S, xã L, huyện G, Hà Nội; Đại diện là ông Huỳnh L – Giám đốc*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị V, ông Phạm Đức V2 – luật sư Công ty luật TNHH VNSI Legal – Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

* *Bị đơn: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1970; Cư trú tại thôn Đ, xã N, huyện Đ, Hà Nội*

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1976; HKTT: Số 57, Biệt Thự Lâm Viên, Khu Đô Thị Đ, xã Đ, huyện G, Hà Nội*

Có mặt: Ông L, LS V

Vắng mặt: Ông K, Ông V

NHẬN THẤY

* ***Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/01/2022 và bản tự khai tiếp theo, nguyên đơn trình bày:*** Do quen biết với ông Nguyễn Văn K nên ông K có đưa ông Huỳnh L là giám đốc của Công ty V đến gặp ông V để trao đổi, đặt vấn đề về việc làm dự án thuê đất. Vì vậy, ngày 11/09/2017 Công ty V và ông Nguyễn Văn V ký kết hợp đồng tư vấn. Theo đó ông V là đơn vị cung cấp và thực hiện dịch vụ tư vấn cho Công ty V hoàn thiện hồ sơ, thủ tục để được thuê khoảng 41.878m² đất tại khu đất thuộc Thôn S, xã L, huyện G, Hà Nội trong thời hạn 50 năm. Thời gian thực hiện hợp đồng 02

năm kể từ ngày ký hợp đồng. Ông L xác định ngay khi ký hợp đồng thì ông L đã giao tiền mặt cho ông V nhận số tiền 6.000.000.000đ (Sáu tỷ đồng) khi đó có sự chứng kiến của ông Nguyễn Văn K. Tuy nhiên, ngay sau đó ông L rất nhiều lần thúc giục nhưng ông V vẫn không thực hiện như đã thỏa thuận dẫn đến ngày 15/06/2020 ông L và ông V cùng với ông K đã thực ký kết Văn bản hủy bỏ hợp đồng tư vấn. Do vậy, tại văn bản này ông V xác nhận nợ tôi 6.000.000.000đ và cam kết trả cho ông L bằng hình thức chuyển khoản. Tuy nhiên rất nhiều lần ông L yêu cầu nhưng ông V vẫn không thanh toán. Do vậy, ông L và ông K đã ký giấy xác nhận công nợ ngày 08/09/2020 với nội dung ông K nhận chuyển giao toàn bộ số tiền nợ từ ông V sang ông K và ông K phải có trách nhiệm trả cho ông L số tiền này. Vì vậy tháng 11/2020 ông K đã chuyển khoản cho ông L và thanh toán số tiền mặt tổng cộng là 1.800.000.000đ. Đối với việc ông K chuyển tiền cho TNHH O và P có trụ sở tại Tầng 13, Tòa nhà Detech II, số 107 đường Nguyễn Phong Sắc, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội số tiền là 3 tỷ thì ông L không biết và ông L yêu cầu ông K phải trả tiền theo hai bên thỏa thuận. Công ty V yêu cầu ông K phải số tiền theo giấy xác nhận công nợ ngày 08/09/2020 với số tiền là 4.200.000.000đ.

Ngày 29/3/2023, Công ty V có đơn đề nghị sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện với nội dung giấy xác nhận công nợ ngày 08/09/2020 yêu cầu tuyên giấy xác nhận công nợ ngày 08/09/2020 giữa giấy xác nhận công nợ ngày 08/09/2020 và ông K là vô hiệu.

Tại phiên họp công khai chứng cứ và hoà giải ngày 29/3/2023, quan điểm của Công ty V xác định giấy xác nhận công nợ ngày 08/09/2020 giữa Công ty V và ông Nguyễn Văn K không có sự đồng ý của ông Nguyễn Văn V nên là vô hiệu. Đề nghị Tòa án tuyên giấy xác nhận công nợ ngày 08/09/2020 giữa Công ty V và ông Nguyễn Văn K là vô hiệu. Còn về hậu quả của văn bản vô hiệu, Công ty V không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu có tranh chấp thì Công ty V sẽ giải quyết sau bằng một vụ án khác.

*** Ông Nguyễn Văn K trình bày:** Ông với ông Huỳnh L là giám đốc Công ty V chỉ có mối quan hệ ngoài xã hội với nhau. Ông với ông L không có quan hệ làm ăn gì với nhau. Sau đó thì ông L là giám đốc Công ty V có nhu cầu dự án nhà máy nước ép hoa quả tại khu đất thôn S, xã L, huyện G, Hà Nội và có nói với ông và ông Nguyễn Văn V. Sau đó giữa ông V và ông L có thỏa thuận về việc tư vấn xin dự án tại khu đất trên. Ngày 11/9/2017, Công ty V có ký hợp đồng tư vấn với ông Nguyễn Văn V. Với nội dung Công ty V thuê ông V làm dịch vụ tư vấn cho Công ty V hoàn thiện hồ sơ, thủ tục để thuê khoản 41.878m² đất với thời hạn là 50 năm tại khu đất thôn S, xã L, huyện G; thời gian thực hiện là 2 năm kể từ ngày ký hợp đồng và chuyển tiền. Công ty V đã có trách nhiệm trả cho ông V 9.7 tỷ đồng. Ông có ký làm chứng trong hợp đồng này. Việc Công ty V đã giao tiền cho ông V chưa ông cũng không rõ ông chỉ thấy ông L đưa cho ông V 1 vali sau đó ông V cất vào xe ô tô. Còn việc có tiền ở trong hay không thì ông không biết. Sau đó ông V không thực hiện được và ông L đã đòi tiền nhiều lần nhưng ông V không trả nên ông L có nhờ ông và ủy quyền cho ông ký hợp đồng tư vấn để thực hiện việc tư vấn xin dự án nhà máy nước ép hoa quả tại khu đất thôn S, xã L, huyện G, Hà Nội. Ngày 20/5/2019, Công ty V đại diện là ông L đã ký giấy ủy quyền số 01 ngày 20/5/2019 cho ông để ông có quyền liên hệ với Công ty Luật TNHH O&P để thực hiện dự án. Khi ký hợp đồng ủy quyền cho ông, ông L không đưa tiền cho ông mà các bên thống nhất đòi của ông V để chuyển sang thực hiện dự án. Ngày 20/5/2019, ông đã ký kết hợp đồng tư vấn số 002.05 với Công ty

Luật TNHH O & P. Sau đó ông đã nộp cho Công ty Luật TNHH O&P 3 lần tiền là số tiền trong hợp đồng tư vấn mà các bên thỏa thuận: Cụ thể là ngày 27/6/2019, ông đã nộp 600.000.000đ, Ngày 27/5/2019 ông đã nộp 1.000.000.000đ, ngày 29/5/2019, ông đã nộp 1.400.000.000đ. Số tiền này là ông đòi được của anh Vương để nộp cho Công ty Luật TNHH O&P để thực hiện hợp đồng tư vấn đã ký.

Ông đã tiếp tục đòi được tiền ông V thì ông đã chuyển trả cho Công ty V cụ thể là ông L. Cụ thể: Ngày 10/11/2020, ông V trả 1.000.000.000đ ông đã chuyển trả ông L; Ngày 06/8/2018, ông V trả 300.000.000đ ông đã chuyển trả ông L; Ngày 12/12/2020, ông V trả 500.000.000đ ông đã chuyển trả ông L. Tổng cộng tiền ông V chuyển trả là 1.800.000.000đ. Số tiền này ông L đã nhận. Đến ngày 08/9/2020, giữa Công ty V và ông đã ký “Giấy xác nhận công nợ ghi ngày 08/9/2020 ” giữa Công ty và ông Ký thỏa thuận chuyển giao toàn bộ nghĩa vụ nợ của ông V cho ông K. Ông K có trách nhiệm thanh toán cho ông L là giám đốc Công ty số tiền trên chậm nhất trong vòng 1 tháng thanh toán số tiền 3 tỷ đồng. Số tiền còn lại sẽ sang gặp bên tư vấn và thanh toán nốt. Ông Nguyễn Văn K cam kết xác nhận công nợ trên và tài sản đảm bảo là mảnh đất và ngôi nhà 314m² tại thôn Đ, xã N, huyện Đ, Hà Nội để làm tài sản bảo đảm cho việc xác nhận nợ trên. Ông V có trách nhiệm thanh toán 3 tỷ cho ông K. Lý do ông ký giấy này là các bên thỏa thuận là ông L không đòi tiền ông V nên ký giấy này để ông có căn cứ đi đòi tiền ông V. Chư thực ra không có việc chuyển giao nghĩa vụ trả nợ cho ông. Mà thực tế ông đã đòi được 4.8 tỷ và đã bàn giao cho ông L. Trong giấy các bên cũng đã xác nhận đã đòi được 3 tỷ, còn 3 tỷ sẽ sang Công ty luật làm việc. Sau khi sang nhiều lần thì ông L nhất trí để lại tiền làm dự án. Dự án tư vấn nhà máy nước ép hoa quả tại khu đất thôn S, xã L, huyện G, Hà Nội theo hợp đồng tư vấn giữa Công ty Luật TNHH O&P với Công ty V hiện nay không thực hiện được vì khu đất này đã bị thu hồi đất nên không thực hiện được.

Nay quan điểm của ông cũng nhất trí đề nghị Tòa án tuyên Giấy xác nhận công nợ ngày 08/9/2020 giữa Công ty V và ông là vô hiệu. Vì việc thỏa thuận giữa ông và ông V không được sự đồng ý của ông V. Về hậu quả của việc vô hiệu ông không yêu cầu Tòa án giải quyết mà để giải quyết vụ án sau khi Công ty V gọi được ông V đến để đối chứng.

* Ông Nguyễn Văn V hiện nay không cư trú tại Số 57, Biệt Thự Lâm Viên, Khu Đô Thị Đặng Xá, xã Đặng Xá, huyện Gia Lâm, Hà Nội và hiện không biết ở đâu. Toà án đã tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng không nhận được ý kiến của của ông V.

Tại phiên tòa:

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Tại phiên toà nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc đề nghị Toà án tuyên Giấy xác nhận công nợ ngày 08/09/2020 giữa Công ty V và ông Nguyễn Văn K không có sự đồng ý của ông Nguyễn Văn V nên là vô hiệu. Còn về hậu quả của văn bản vô hiệu, Công ty V không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu có tranh chấp thì ông sẽ giải quyết sau bằng một vụ án khác.

* Ông L nghe rõ và nhất trí với ý của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Công ty và không trình bày bổ sung gì thêm.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như của các đương sự. Về nội dung đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn tuyên Giấy xác nhận

công nợ ngày 08/09/2020 giữa Công ty V và ông Nguyễn Văn K là vô hiệu. Còn về hậu quả của văn bản vô hiệu, Công ty V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết. Nếu có tranh chấp thì ông sẽ giải quyết sau bằng một vụ án khác. Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn chịu cả toàn bộ án phí.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Nguyên đơn yêu cầu tuyên giấy xác nhận công nợ ngày 08/9/2020 đối với bị đơn. Bị đơn cư trú tại thôn Đ, xã N, huyện Đ, Hà Nội. Do đó đây là tranh chấp Hợp đồng chuyển giao nghĩa vụ theo qui định tại khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.

[1.2]. Về quan hệ pháp luật, và yêu cầu khởi kiện: Ngày 20/01/2022, Công ty V có đơn khởi kiện yêu cầu ông K phải trả tiền theo giấy xác nhận công nợ ngày 08/09/2020 giữa Công ty V và ông Nguyễn Văn K đã ký. Ngày 29/3/2023, Công ty V có đơn yêu cầu sử đổi, bổ sung đơn khởi kiện và xác định yêu cầu tuyên Giấy xác nhận công nợ ngày 08/9/2020 giữa Công ty V và ông là vô hiệu và không yêu cầu giải quyết về hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Bị đơn không có yêu cầu phản tố. Do đó, Tòa án xác định đây là tranh chấp về việc hợp đồng chuyển giao nghĩa vụ và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là yêu cầu tuyên hợp đồng chuyển giao nghĩa vụ là vô hiệu.

[2] Về nội dung vụ án:

Theo các tài liệu chứng cứ các bên cung cấp và thu thập trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện:

Ngày 11/09/2017 Công ty V và ông Nguyễn Văn V ký kết hợp đồng tư vấn. Theo đó ông V là đơn vị cung cấp và thực hiện dịch vụ tư vấn cho Công ty V hoàn thiện hồ sơ, thủ tục để được thuê khoảng 41.878m² đất tại khu đất thuộc Thôn S, xã L, huyện G, Hà Nội trong thời hạn 50 năm. Thời gian thực hiện hợp đồng 02 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Ngay khi ký hợp đồng thì công ty đã giao tiền mặt (do ông L đại diện) cho ông V nhận số tiền 6.000.000.000đ (Sáu tỷ đồng) khi đó có sự chứng kiến của ông Nguyễn Văn K.

Ngày 15/06/2020 ông L và ông V cùng với ông K đã thực ký kết Văn bản hủy bỏ hợp đồng tư vấn. Tại văn bản này ông V xác nhận nợ Công ty 6.000.000.000đ và cam kết trả cho ông L bằng hình thức chuyển khoản. Tuy nhiên rất nhiều lần ông L yêu cầu nhưng ông V vẫn không thanh toán.

Ngày 08/9/2020, giữa Công ty V và ông Nguyễn Văn K có ký giấy xác nhận công nợ với nội dung ông K nhận chuyển giao toàn bộ số tiền nợ từ ông V sang ông K và ông K phải có trách nhiệm trả cho ông L số tiền này nhưng không có ý kiến của ông Nguyễn Văn V.

Nay nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất huỷ giấy xác nhận công nợ ngày 08/09/2020 giữa nguyên đơn và bị đơn

Xét, theo quy định tại Điều 370 của BLDS năm 2015 quy định: 1. Bên có nghĩa vụ có thể chuyển giao nghĩa vụ cho người thế nghĩa vụ nếu được bên có quyền đồng ý, trừ trường hợp nghĩa vụ gắn liền với nhân thân của bên có nghĩa vụ hoặc pháp luật có quy định không được chuyển giao nghĩa vụ; 2. Khi được chuyển giao nghĩa vụ thì người thế nghĩa vụ trở thành bên có nghĩa vụ.” Như vậy, ông Nguyễn Văn K không có nghĩa vụ trả thay ông Nguyễn Văn V trả nợ cho Công ty V vì khi viết giấy xác nhận công nợ ngày 08/09/2020 ông Nguyễn Văn V chưa ký xác nhận, chỉ có ông K và Công ty V. Ông Nguyễn Văn V chưa thực hiện việc chuyển giao nghĩa vụ của mình cho anh Nguyễn Văn K. Vì vậy nghĩa vụ trả nợ thay chưa phát sinh đối với ông K. Việc viết và ký giấy xác nhận công nợ ngày 08/09/2020 giữa Công ty V và ông Nguyễn Văn K không có giá trị. Do đó, giấy xác nhận công nợ ngày 08/09/2020 giữa Công ty V và ông Nguyễn Văn K là vô hiệu.

Đối với hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Nguyên đơn và bị đơn đều không yêu cầu Toà án giải quyết mà giải quyết bằng một vụ án khác khi các bên có yêu cầu.

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp và có cơ sở.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí DSST. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn chịu toàn bộ án phí nhưng được khấu trừ vào số tiền án phí đã nộp.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Các Điều: 370 của Bộ luật Dân sự;
- Khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 157, 158, Điều 271, 273, 277 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty V đối với ông Nguyễn Văn K về việc yêu cầu tuyên giấy xác nhận công nợ ngày 08/09/2020 là vô hiệu.

2. Tuyên giấy xác nhận công nợ ngày 08/09/2020 giữa Công ty V và ông Nguyễn Văn K là vô hiệu.

3. Về hậu quả của văn bản vô hiệu: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên Toà án không xem xét giải quyết mà giành cho các bên giải quyết bằng một vụ án khi có tranh chấp.

4. Về án phí DS sơ thẩm: 300.000đ. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn chịu cả số tiền án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 56.363.000đ mà nguyên đơn đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0046237 ngày 17/3/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Anh. Hoàn trả nguyên đơn số tiền 56.063.000 đồng.

5. Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND T.P Hà Nội;
- VKSND huyện Đông Anh;
- Chi cục THADS Đông Anh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thịnh Quang Thắng